

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HS-ST
Ngày 12 - 02 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Thông báo dời ngày xét xử số: 06/TB-TA ngày 19 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 03/02/1991, tại Thành phố Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Số B, khu vực K, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ (Nay là Số B, khu vực K, phường H, Thành phố Cần Thơ); nơi ở hiện nay: Số B, khu vực K, phường H, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); vợ và con: Không; tiền án: Ngày 23/10/2009, bị Toà án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 06 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” tại Bản án số 129/2009/HSPT (do bị cáo có kháng cáo đối với Bản án số 171/2009/HSST ngày 28/8/2009 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ); ngày 05/3/2010, bị Toà án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 08/2010/HSST; ngày 24/5/2018, bị Toà án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 114/2018/HSST; ngày 01/11/2018 bị Toà án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội

“*Trộm cắp tài sản*” và 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tại Bản án số 65/2018/HSST, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 01 năm 06 tháng tù, đồng thời tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại Bản án số 114/2018/HSST và quyết định hình phạt chung của cả hai bản án là 06 năm tù, đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/6/2025, bị Toà án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ xử phạt 06 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 05/9/2024 tại Bản án số 43/2025/HS-ST, chưa đưa đi chấp hành án; bị tạm giam từ ngày 05/9/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh V (Có mặt).

2. Huỳnh Thanh G, sinh ngày 01/01/1992, tại tỉnh Sóc Trăng (Nay là Thành phố Cần Thơ).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp S, xã C, Thành phố Cần Thơ); nơi ở hiện nay: Ấp S, xã C, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn K và bà Nhâm Thị Tuyết N; có vợ Nguyễn Thị Trúc L1 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/12/2024, bị Toà án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 34/2024/HS-ST; ngày 04/4/2025, bị Toà án nhân dân quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” tại Bản án số 34/2025/HSST; ngày 05/6/2025, bị Toà án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 43/2025/HS-ST, đồng thời tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 34/2024/HS-ST và hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 34/2025/HSST, quyết định hình phạt chung của cả ba bản án là 04 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 07/9/2024, chưa đưa đi chấp hành án; bị tạm giam từ ngày 07/9/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh V (Có mặt).

Theo xác nhận lý lịch bị cáo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tại Biên bản ngày 02/12/2025: Huỳnh Thanh G không có tên gọi khác, với người bị kết án phạt tù Huỳnh Thanh G (Đ) hay Huỳnh Thanh G ghi trong Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ; Quyết định thi hành án phạt tù số 05/2025/QĐ-CA ngày 08/7/2025, Thông báo sửa chữa, bổ sung Quyết định thi hành án số 01/TB-TA ngày 14/7/2025, Thông báo sửa chữa, bổ sung Quyết định thi hành án phạt tù số 05/2025/QĐ-CA ngày 15/7/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ và Báo cáo số 474/BC-CQTHAHS ngày 09/10/2025 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an Thành phố C về các trường hợp người bị kết án phạt tù chưa lập danh sách, đề nghị đưa đến nơi chấp hành án, là một người.

3. Tạ Kim M, sinh ngày 17/6/1988, tại tỉnh Sóc Trăng (Nay là Thành phố Cần Thơ).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Văn S, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp V, xã C, Thành phố Cần Thơ); nơi ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Kim T2 và bà Nguyễn Thị Út N1 (đã chết); sống như vợ chồng với Nguyễn Kim S1 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2019, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động, xã hội tỉnh S; từ tháng 02/2021 đến tháng 10/2022, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy Thành phố C; ngày 18/4/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 28/2025/HS-ST, thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/11/2024; hiện đang chấp hành án tù tại Trại giam B (Có mặt).

4. Trương Văn H, sinh ngày 01/01/1995, tại tỉnh Sóc Trăng (Nay là Thành phố Cần Thơ).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp P, xã C, Thành phố Cần Thơ); nơi ở hiện nay: Ấp P, xã C, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Ú và bà Nguyễn Thị T3; sống như vợ chồng với Trần Thị T4, không có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 24/4/2023, bị Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-XPHC, nộp phạt xong vào ngày 19/3/2024; ngày 26/6/2024, bị Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPHC; ngày 02/7/2024, bị Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC; nhân thân: Ngày 10/10/2024, bị Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC; ngày 31/01/2026, bị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ xử phạt 06 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/4/2025 tại Bản án số 12/2026/HS-ST; bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Trần Đ thuộc Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố C từ ngày 25/4/2025 đến nay (Có mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1995; nơi cư trú Khóm A, phường C, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Trần Thị T4, sinh năm 1997; nơi cư trú ấp B, xã C, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 14/8/2024, bị hại chị Nguyễn Thị Kim T5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn vàng, biển số 64H1-323.69 đến thuê phòng số 109 nhà trọ L, địa chỉ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long) do bà Lê Thị M1, sinh năm 1970, cư trú ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long) quản lý. Chị T5 để xe mô tô biển số 64H1-323.69 trong nhà xe của nhà trọ L2. Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Trần Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Vision (không rõ biển số, do bị cáo Tây mượn của người khác làm phương tiện đi lại) chở bị cáo Huỳnh Thanh G đến thuê phòng số 03 nhà trọ L để nghỉ qua đêm.

Đến khoảng 04 giờ ngày 15/8/2024, hai bị cáo trả phòng thì phát hiện xe mô tô biển số 64H1-323.69 của chị T5 dựng trong nhà xe nên cả hai nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo G dẫn xe mô tô hiệu Vision đi ra mở cửa nhà trọ, bị cáo T lên lút dẫn xe mô tô biển số 64H1-323.69 đi theo sau, và cùng nhau rời khỏi nhà trọ Lan T6. Ra đến Quốc lộ A, bị cáo G điều khiển xe mô tô Vision đẩy xe mô tô biển số 64H1-323.69 do bị cáo T ngồi cầm lái điều khiển đi từ hướng Vĩnh Long về Thành phố Cần Thơ. Khi đến địa phận Thành phố Cần Thơ, cả hai bị cáo dừng xe lại, bị cáo G tháo dàn áo xe mô tô biển số 64H1-323.69; bị cáo T bức dây điện mở khóa xe để đề máy và mở cốp xe mô tô biển số 64H1-323.69 lục lấy số tiền 2.000.000 đồng của bị hại. Bị cáo G nhìn thấy bị cáo T mở cốp xe lấy tiền cất, nhưng không nói gì. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, chị T5 phát hiện xe mô tô biển số 64H1-323.69 bị mất trộm, bên trong cốp xe có cất giữ số tiền 2.000.000 đồng, 01 thẻ ATM (không có tiền trong tài khoản), 01 căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64H1-323.69 và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đều mang tên Nguyễn Thị Kim T5 nên đến Công an trình báo sự việc.

Đối với bị cáo G, trong ngày 15/8/2024 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64H1-323.69 đi đến huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã C, Thành phố Cần Thơ) tìm bị cáo Tạ Kim M. Khi gặp bị cáo M, bị cáo G nói cho bị cáo M biết xe do bị cáo G, bị cáo T lấy trộm ở Vĩnh Long, nhờ bị cáo M tìm người bán giúp và cho bị cáo M 01 tép ma túy đá để sử dụng thì được bị cáo M đồng ý. Bị cáo M gọi điện thoại cho bị cáo Trương Văn H giới thiệu bị cáo G có chiếc xe mới trộm cần bán, bị cáo H yêu cầu bị cáo M cho xem xe trước khi mua. Sau khi xem xe mô tô biển số 64H1-323.69 do bị cáo M đem đến, bị cáo H đồng ý mua xe với giá 12.000.000 đồng. Thỏa thuận xong việc mua bán, bị cáo M đem xe về đưa lại cho bị cáo G. Sau đó, bị cáo G tháo bỏ biển số 64H1-323.69, đem xe giao cho bị cáo H.

Khoảng 15 giờ ngày 16/8/2024, bị cáo H điều khiển xe Vario, màu sơn vàng (mua từ bị cáo G) đến gặp bị cáo M hỏi có chỗ nào sơn lại màu xe không, bị cáo M trả lời không biết; bị cáo H nhờ bị cáo M chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo T và đưa lại tiền mặt cho bị cáo M. Cùng ngày, bị cáo T đến gặp bị cáo M nói xe do bị cáo T, bị cáo G cùng lấy

trộm, nên dặn bị cáo M không đưa hết tiền mua bán xe cho bị cáo G, khi nào bị cáo H trả tiền thì chuyển cho bị cáo T, bị cáo G mỗi người một nửa, bị cáo M đồng ý.

Bị cáo H, sau khi tìm được chỗ sơn lại màu xe Vario từ màu vàng sang màu xanh, bị cáo đặt mua biển số 83D1-234.69 gắn vào xe Vario để sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 28/9/2024, Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng phát hiện chị Trần Thị T4 (người sống chung như vợ chồng với bị cáo H) đang điều khiển xe mô tô trên nên tạm giữ phương tiện và thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V) xử lý.

Vật chứng thu giữ (do Công an xã A 2 thu giữ của chị Trần Thị T4 vào ngày 28/9/2024) gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn xanh, số khung MH1JM5118LK605674, số máy JM51E1605113, đã qua sử dụng; 01 biển số 83D1-234.69, đã qua sử dụng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 43/KL.ĐGTS ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, biển số 64H1-323.69 mua năm 2019, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 15/8/2024 là 20.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố:

- Các bị cáo T, G, M, H đã khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo T, bị cáo G thừa nhận tổng giá trị tài sản hai bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 22.000.000 đồng. Bị cáo G có bà ngoại nội tên Lê Thị S2 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đã có công, góp sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và có bác ruột tên Nhâm Văn G1 là liệt sỹ. Theo lời khai, bị cáo M được bị cáo G cho 01 tốp ma túy đá để sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V xác định chưa đủ cơ sở xử lý bị cáo về hành vi sử dụng hoặc tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về xử lý vật chứng: Giao trả cho chị T5 nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu sơn xanh, số khung MH1JM5118LK605674, số máy JM51E1605113, đã qua sử dụng. Tiếp tục tạm giữ 01 biển số 83D1-234.69, đã qua sử dụng thu giữ của chị T4 để xử lý, hiện vật chứng do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long đang quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Bị hại chị T5 trình bày: Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý bị cáo T, bị cáo G theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chị đã nhận lại xe mô tô bị mất nên không yêu cầu bị cáo T, bị cáo G bồi thường các khoản thiệt hại do màu sơn xe bị thay đổi, biển số xe bị mất, số tiền 2.000.000 đồng đã lấy trộm và các giấy tờ bị mất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T4 trình bày: Chị không biết xe mô tô do bị cáo H mua là tài sản trộm cắp, trong vụ án chị không bị thiệt hại nên không yêu cầu giải quyết về vấn đề gì.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV2 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long đã truy tố:

- Bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Huỳnh Thanh G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Tạ Kim M, Trương Văn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo T, G, M, H trình bày: Diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã mô tả và truy tố, không oan. Bị cáo T, bị cáo G nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể trộm cắp tài sản của chị T5 là vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý. Bị cáo M, bị cáo H biết rõ chiếc xe bị cáo G mang đi tiêu thụ là tài sản do bị cáo T, bị cáo G trộm cắp mà có. Vì quen biết, được bị cáo G cho 01 tốp ma túy để sử dụng nên bị cáo M đồng ý giới thiệu để bị cáo H, bị cáo G thực hiện hành vi mua bán tài sản phạm pháp, giúp chuyển tiền thanh toán. Vì háms lợi, bị cáo H đồng ý mua tài sản phạm pháp. Các bị cáo đã biết lỗi ăn năn hối hận hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra cho bị hại, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; lời trình bày của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích nguyên nhân phạm tội, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho từng bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ xử phạt Trần Văn T 06 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành

phố Cần Thơ (sau khi đã tổng hợp hình phạt) xử phạt Huỳnh Thanh G 04 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo Huỳnh Thanh G phải chấp hành hình phạt chung từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 17, Điều 38, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 17, Điều 38, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Tạ Kim M phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 28/2025/HS-ST ngày 18/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt Tạ Kim M 06 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo Tạ Kim M phải chấp hành hình phạt chung từ 06 năm 09 tháng đến 07 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 biên số 83D1-234.69, đã qua sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Kim T5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T4 không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T, G, M, H mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Các bị cáo T, G, M, H trình bày: Các bị cáo đồng ý với tội danh cáo trạng đã truy tố, thống nhất mức hình phạt và án phí hình sự sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin lỗi bị hại, xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội khắc phục lỗi lầm, cải sửa bản thân trở thành công dân hữu ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến, khiếu nại hoặc tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại chị T5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T4 đã được triệu tập xét xử hợp lệ, vắng mặt. Trong quá trình điều tra, truy tố chị T5, chị T4 đã có lời khai đầy đủ, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T5, chị T4 theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án:

[5] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra công khai tại phiên tòa. Đủ cơ sở kết luận:

[6] Vào khoảng 04 giờ ngày 15/8/2024, bị cáo T, bị cáo G lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, biển số 64H1-323.69 trị giá 20.000.000 đồng của chị T5 để trong nhà xe của nhà trọ L, địa chỉ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long) do bà Lê Thị M1 quản lý; khi đến địa phận Thành phố Cần Thơ, bị cáo T mở cốp xe biển số 64H1-323.69 lục lấy số tiền 2.000.000 đồng của chị T5, bị cáo G nhìn thấy bị cáo T lấy và cất giữ số tiền này nhưng không phản đối. Tổng giá trị tài sản, bị cáo T và bị cáo G đã chiếm đoạt của bị hại là 22.000.000 đồng.

[7] Trong ngày 15/8/2024, bị cáo G điều khiển xe mô tô biển số 64H1-323.69 đi đến huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã C, Thành phố Cần Thơ) gặp bị cáo M, nhờ bị cáo M tìm người mua để bán xe. Bị cáo M biết rõ xe do bị cáo T, bị cáo G trộm cắp mà có, sau khi được bị cáo G cho 01 tép ma túy đá, bị cáo đã tích cực môi giới để bị cáo G và bị cáo H thực hiện hành vi mua bán xe, giúp bị cáo Hữu thanh T7 số tiền 3.000.000 đồng cho bị cáo G, đồng thời hứa với bị cáo T khi nào bị cáo Hữu thanh T7 tiếp thì sẽ chuyển cho bị cáo T, bị cáo G mỗi người một nửa số tiền. Bị cáo H biết rõ xe do phạm tội mà có, vì hám lợi bị cáo đồng ý mua xe với giá 12.000.000 đồng, sau đó bị cáo thực hiện hành vi thay đổi đặc điểm xe để sử dụng.

[8] Trong vụ án, các bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T và bị cáo G đồng phạm về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo M và bị cáo H đồng phạm về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo T là người có nhiều tiền án về các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tiền án về tội phạm nghiêm trọng với tình tiết “Tái phạm” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

[9] Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo G đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo M, bị cáo H đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm đã kết luận các bị cáo phạm vào các tội danh và điều luật áp dụng như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[10] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[11] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phạm vào những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng cho các bị cáo. Bị cáo M, bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng cho hai bị cáo.

[13] Về hướng xử lý trách nhiệm hình sự:

[14] Xét các bị cáo đều là thanh niên có sức khỏe, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật hình sự sẽ bị nghiêm trị. Lẽ ra, các bị cáo phải có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của người khác, tích cực lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân và xã hội. Trái lại, với bản chất lười lao động, lối sống thích hưởng thụ, để thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, bị xã hội mạnh mẽ lên án.

[15] Xét về loại tội phạm, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo thì: Hành vi của bị cáo Tây phạm vào tội nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo G, M, Hữu phạm vào tội ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo G là tiền đề dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo M, bị cáo H. Hành vi phạm tội của bị cáo M và bị cáo H là như nhau. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, thuộc trường hợp là người khó giáo dục, cải tạo. Nên cần xử lý các bị cáo một cách công minh theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tuy bị cáo M, bị cáo H cùng được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng không thể áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với hai bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

[16] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và lời bào chữa của bị cáo. Về trách nhiệm hình sự, xử phạt và cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, xử phạt và cách ly các bị cáo G, M, H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đồng thời lên đối với bị cáo G một mức hình phạt so với bị cáo M và bị cáo H nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân hữu ích, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[17] Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với các bị cáo T, G, M. Xét thấy:

[18] Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ: Xét xử bị cáo T về các hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” thực hiện từ ngày 04/8/2024 đến ngày 03/9/2024. Xét xử bị cáo G về hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” thực hiện vào ngày 13/8/2024, tổng hợp hình phạt với Bản án số 34/2024/HS-ST ngày 18/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử bị cáo về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” thực hiện ngày 20/02/2024 và Bản án số 34/2025/HSST ngày 04/4/2025 của Toà án nhân dân quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ xét xử bị cáo về hành vi “*Cướp giật tài sản*” thực hiện ngày 21/02/2024. Hai bị cáo đang bị tạm giam, chưa được đưa đi chấp hành án.

[19] Bản án số 28/2025/HS-ST ngày 18/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử bị cáo M về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thực hiện ngày 13/11/2024. Bị cáo đang chấp hành án.

[20] Trong khi vụ án đang xét xử các bị cáo về các hành vi phạm tội thực hiện ngày 15/8/2024.

[21] Như vậy, đối chiếu thời điểm bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội sau cùng và thời điểm bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử tại Bản án số 43/2025/HS-ST, thời điểm bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử tại Bản án số 28/2025/HS-ST với thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đang bị xét xử thì: Bị cáo T và bị cáo M thuộc trường hợp “Một người đang phải chấp hành án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này”; bị cáo G thuộc trường hợp “Khi xét xử một người đang phải chấp hành án một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới”.

[22] Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với hình phạt của Bản án số 43/2025/HS-ST, để quyết định hình phạt chung đối với bị cáo T; và tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với hình phạt của Bản án số 28/2025/HS-ST, để quyết định hình phạt chung đối với bị cáo M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với hình phạt sau khi đã tổng hợp của Bản án số 43/2025/HS-ST, để quyết định hình phạt chung đối với bị cáo G.

[23] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật

Hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận ý kiến của bị hại chị T5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T4 không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[24] Về xử lý vật chứng: Xét biên số 83D1-234.69, đã qua sử dụng là vật cấm lưu hành. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy. Hiện vật chứng do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long đang quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

[25] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết các bị cáo T, G, M, H mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (Ba) năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ đã xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (S) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (C) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2024.

1.2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh G 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ sau khi tổng hợp hình phạt, đã xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh G 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù. Buộc bị cáo Huỳnh Thanh G phải chấp hành hình phạt chung là 06 (S) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 9 năm 2024.

1.3. Căn cứ vào khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 38, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tạ Kim M phạm tội “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tạ Kim M 09 (Chín) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 28/2025/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Tạ Kim M 06 (S) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo Tạ Kim M phải chấp hành hình phạt chung là 06 (Sáu) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 11 năm 2024.

1.4. Căn cứ vào khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 38, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Văn H 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận ý kiến của bị hại chị Nguyễn Thị Kim T5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T4 không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) biển số 83D1-234.69, đã qua sử dụng. Hiện vật chứng do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long đang quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết các bị cáo Trần T, Huỳnh Thanh G, Tạ Kim M, Trương Văn H mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Vụ án được xét xử công khai. Có mặt các bị cáo Trần Văn T, Huỳnh Thanh G, Tạ Kim M, Trương Văn H; vắng mặt bị hại chị Nguyễn Thị Kim T5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị T4. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Báo cho bị hại chị T5 biết có quyền kháng cáo bản án, chị T4 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình

trong thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CQĐT + VP Công an tỉnh Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 01;
- BC + BH + NLQ: 06;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Minh Tân